

Phụ lục I
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO
DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN¹
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm
2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CƯ JUT
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN PHÚ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học: 2025-2026
Số: 01/BC-THTP

I- THÔNG TIN CHUNG²

1-Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Trần Phú

2- Địa điểm trụ sở chính: Bon U2, xã Cư Jut, Tỉnh Lâm Đồng. Trường có 01 điểm chính. Điện thoại số : 0917.078.448, địa chỉ trang tin điện tử: c1tranphu.pgdcujut.edu.vn.

3- Loại hình cơ sở giáo dục: công lập

4-Sứ mệnh: Xây dựng nhà trường hạnh phúc; Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập của học sinh, nâng cao uy tín và thương hiệu của nhà trường.

Tầm nhìn: Trở thành trường Tiểu học chất lượng cao; là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình; nơi giáo viên và học sinh luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công, để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, phát triển năng lực và tư duy sáng tạo; Xây dựng nhà trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia mức 2;

Mục tiêu giáo dục: Xây dựng nhà trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3, tạo uy tín về chất lượng giáo dục; là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu hướng phát triển của đất nước và thời đại; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được chuẩn hóa, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức lối sống, lương tâm, trách nhiệm của nhà giáo; Giáo dục nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; học sinh năng động sáng tạo đảm bảo về năng lực, phẩm chất... xây dựng trường học hạnh phúc.

Quá trình thành lập và phát triển: Trường Tiểu học Trần Phú (tiền thân là trường tiểu học A thị trấn Eatling) được thành lập từ năm 1994 theo Quyết định số

10/TCCB ngày 13 tháng 8 năm 1994 của Giám đốc Sở Giáo dục đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc tách trường phổ thông cơ sở cấp I thị trấn EaTling thuộc phòng Giáo dục đào tạo huyện Cư Jut, thành lập trường tiểu học A thị trấn Eatling và trường tiểu học B thị trấn Eatling. Đến năm 2008 , trường đổi tên thành trường tiểu học Trần Phú như ngày nay.

Những đặc điểm của trường Về số lớp và học sinh: Trường có 20 lớp với tổng số 652 học sinh. HS Nữ là 315 em, HS dân tộc là 310 em;

Về tổ chức đảng, đoàn thể: Chi bộ trường Tiểu học Trần Phú trực thuộc Đảng bộ xã Cư Jut với 18 Đảng viên; Liên đội có 652 Đội viên Nhi đồng.

5-Thông tin người đại diện: Bà Trần Thị Như Quỳnh; chức vụ Hiệu trưởng; Địa chỉ làm việc: Bon U2, xã Cư Jut, tỉnh Lâm Đồng; Số điện thoại 0917.078.448, hộp thư điện tử quynhtran2012@gmail.com

6-Bộ máy nhà trường.

- Trường Tiểu học Trần Phú (tiền thân là trường tiểu học A thị trấn Eatling) được thành lập từ năm 1994 theo Quyết định số 10/TCCB ngày 13 tháng 8 năm 1994 của Giám đốc Sở Giáo dục đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc tách trường phổ thông cơ sở cấp I thị trấn EaTling thuộc phòng Giáo dục đào tạo huyện Cư Jut, thành lập trường tiểu học A thị trấn Eatling và trường tiểu học B thị trấn Eatling. Đến năm 2006, trường đổi tên thành trường tiểu học Trần Phú theo quyết định 2041/QĐ-UB ngày 12 tháng 9 năm 2006 của UBND huyện Cư Jut.

- Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND huyện Cư Jut Về việc kiện toàn Hội đồng trường tiểu học Trần Phú

Danh sách Hội đồng trường:

ST T	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh hội đồng	Ghi chú
1	Trần Thị Như Quỳnh	H.trưởng	TH Trần Phú	CTHĐ	
2	Phạm Thị Viết	P.H.trưởng	TH Trần Phú	PCTHĐ	
3	Dương Văn Lâm	P.H.trưởng	TH Trần Phú	PCTHĐ	
4	Hoàng Thị Vân	Thư kí HĐ	TH Trần Phú	Thành viên	
5	Nguyễn Thị Thu Hằng	CTCĐ	TH Trần Phú	Thành viên	
6	Nguyễn Thị Áng	KT khối 1	TH Trần Phú	Thành viên	
7	Lê Thị Oanh	KT khối 3	TH Trần Phú	Thành viên	
8	Vương Thị Khuê	KT khối 4	TH Trần Phú	Thành viên	
9	Nguyễn Thị Thảo Trang	Tổ trưởng tổ VP	TH Trần Phú	Thành viên	
10	Nguyễn Văn Nghĩa	Trưởng BDDCMHS		Thành viên	

-Trường có hộp thư điện tử tại địa chỉ: truongthtranphueatling@gmail.com người đảm nhiệm hộp thư điện tử gồm Phó hiệu trưởng; Văn thư đảm nhiệm.

7- Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: (Kèm theo) gồm Kế hoạch chiến lược; Quy chế dân chủ; NQ hội đồng trường; Quy chế chi tiêu nội bộ; kế hoạch phát triển nhà giáo.

II - ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

1- Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

Tổng số cán bộ giáo viên công nhân viên toàn trường 40 (chia ra lãnh đạo: 03;
Giáo viên: 31; Tổng phụ trách đội: 01; Nhân viên: 05).

-Số lượng cán bộ giáo viên, công nhân viên, tay nghề, trình độ đào tạo:

Giáo viên								
STT	Họ tên giáo viên	Chuyên môn	GV hạng	Ngoại ngữ	Tin học	GV dạy giỏi	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Áng	ĐH	II	B	B	Huyện	KT khối 1	GV cơ bản
2	Nguyễn Thị Tường	ĐH	II	B	UDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
3	Nguyễn Thị Bích Liên	ĐH	III	C	B	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
4	Lê Thị Minh Hiền	ĐH	III	B	B	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
5	Nguyễn Thị Vân Anh	CD	III	B	UDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
6	Nguyễn Thị Hòa	TC	IV			Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
7	Hoàng Thị Ái Xuân	ĐH	III	B	UDCB	Huyện	KT khối 2	GV cơ bản
8	Nguyễn Thị Hằng	ĐH	III	Ê đê	UDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
9	Nguyễn Thị Hiền	ĐH	III	B	UDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
10	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	ĐH	II	B	A	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
11	Nguyễn Thị Nho	ĐH	II	B	UDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
12	Nguyễn Thị Giang Thủy	ĐH	II		UDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
13	Lê Thị Oanh	ĐH	II	Ê-đê	U'DCB	Huyện	KT khối 3	GV cơ bản
14	Phạm Thị Lương	ĐH	II	B1	U'DCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
15	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	ĐH	III	B1	U'DCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
16	Nguyễn Thị Trang	ĐH	III	B	U'DCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
17	Hoàng Thị Vân	TC	IV	B1	TC CNTT		Giáo viên	GV tin

18	Phạm Văn Dự	ĐH	II	B1	ƯDCB	Cấp Tỉnh	Giáo viên	GV GDTC
19	Vương Thị Khuê	ĐH	II	B1	ƯDCB	Huyện	KT khối 4	GV cơ bản
20	Nguyễn Thị Miên	ĐH	II	B1	A	Cấp Tỉnh	Giáo viên	GV cơ bản
21	Đinh Thị Hiền	ĐH	II	B1	ƯDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
22	Trương Thị Bích Phượng	ĐH	III	B1	UDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
23	Tôn Nữ Trà Ly	ĐH	II	B2	ƯDCB	Huyện	Giáo viên	GV TA
24	Lương Thị Phương Mai	ĐH	III	B2	ƯDCB	Huyện	Giáo viên	GV TA
25	Hoàng Thị Sâm	ĐH	III	B2	UDCB	Trường	Giáo viên	GV TA
26	Nguyễn Thị Thu Hằng	ĐH	II	B	A	Tỉnh	KT khối 5	GV cơ bản
27	Nguyễn Thị Chín	ĐH	II	B1	ƯDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
28	Lưu Thúy Hằng	ĐH	III	B1	ƯDCB	Tỉnh	Giáo viên	Gv cơ bản
29	Hoàng Thị Loan	ĐH	II	B1	ƯDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
30	Triệu Thị Thảo	CD	III	B	ƯDCB	Huyện	Giáo viên	GV cơ bản
31	Trần Thị Thanh Thúy	ĐH	II	Ê Ê	ƯDCB	Tỉnh	Giáo viên	GV AN
Lãnh đạo nhà trường								
32	Trần Thị Như Quỳnh	ThS	II	B1	UDCB	Huyện		Hiệu trưởng
33	Phạm Thị Viết	ĐH	II	B	UDCB	Tỉnh		P.Hiệu trưởng
34	Dương Văn Lâm	ĐH	II	B	UDCB	Huyện		P.hiệu trưởng
Tổng phụ trách								
35	Lê Thị Xuân Ánh	ĐH	III	B	ƯDCB	Huyện	GV - TPTĐ	GV-TPTĐ
Nhân viên								
36	Hoàng Thị Thu Thủy	CD		B	ƯDCB		Nhân viên	NV-YTHĐ

37	Nguyễn Thị Thảo Trang	ĐH		B	U'DCB		Nhân viên	Kế toán
38	Lê Thị Tường	TC		B	Tin học VP		Nhân viên	Văn thư
39	Nguyễn Thị Ngọc	CĐ		B	U'DCB		Nhân viên	NV TV-TB
Nhân viên Bảo vệ								
40	Đinh Hữu Chung						Nhân viên	BV

Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp:

Tổng số: 35 (chia ra Lãnh đạo: 03; giáo viên: 32); Kết quả xếp loại Khá: 0/35 đạt tỉ lệ 0%; xếp loại Tốt: 35/35 đạt tỉ lệ 100%.

- Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng hàng năm

Tổng số: 35 (chia ra Lãnh đạo: 3; giáo viên: 32); Kết quả hoàn thành công tác bồi dưỡng 35/35 đạt tỉ lệ 100%

III- CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

Diện tích chung: 6118 m²

+ Diện tích XD: Khoảng 2.394m² ; Diện tích còn lại: 3724 m², (trong đó DT bãi tập 1800 m²).

Danh mục các phòng

Số T T	Tên hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
I	Khối phòng học tập				
1	Phòng học	Phòng	20	920	
2	Phòng bộ môn Âm nhạc	Phòng	01	46	
3	Phòng bộ môn Mỹ thuật	Phòng	0	0	
4	Phòng bộ môn Tin học	Phòng	01	46	
5	Phòng bộ môn Ngoại ngữ	Phòng	01	46	
6	Phòng đa chức năng	Phòng	0	0	
II	Khối phòng hỗ trợ học tập				
1	Thư viện		01	60	
2	Phòng thiết bị giáo dục		01	40	
3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập		0	0	
4	Phòng Đội Thiếu niên		01	46	
5	Phòng truyền thống		0	0	
	Phòng trưng bày GD Stem		0	0	
III	Khối phụ trợ				

1	Phòng họp	Phòng	01	70	
2	Phòng y tế học đường	Phòng	01	20	
3	Nhà kho	Kho	0	0	
4	Phòng nghỉ giáo viên	Phòng	0	0	
5	Phòng giáo viên	Phòng	0	0	
IV	Khối Phòng hành chính				
1	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	01	25	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	Phòng	01	25	
3	Văn phòng	Phòng	0	0	
4	Phòng Bảo vệ	Phòng	01	10.5	
V	Khu sân chơi, TDTT				
1	Sân trường	Sân	01	1800	
2	Sân TDTT	Sân	0	0	
3	Nhà Đa năng	Nhà	0	0	
VI	Khối phục vụ sinh hoạt				
1	Nhà bếp	Nhà	01	40	
2	Kho bếp	Nhà	01	10	
3	Nhà ăn	Nhà	01	60	
4	Nhà ở nội trú	Nhà	0	0	
5	Phòng quản lý học sinh	Phòng	0	0	
6	Phòng sinh hoạt chung	Phòng	0	0	
Bảng thống kê nhà vệ sinh học sinh					
1	Nhà vệ sinh học sinh	Nhà	2	30 Nam=25 Nữ=25)	Nam, nữ riêng
Bảng thống kê nhà vệ sinh giáo viên					
1	Khu vệ sinh giáo viên	Nhà	2	24 (Nam=12 m ² Nữ=12m ²)	Nam, nữ riêng
Bảng thống kê nhà xe					

1	Nhà xe CBGVCNV và học sinh	Nhà	04	180	GV 60 m ² HS 150 m ²
---	----------------------------	-----	----	-----	--

Mỗi phòng học được trang bị, trang trí lớp học đúng quy định. Bàn ghế trong các phòng học đủ. Sắp xếp theo quy định; Số bàn ghế đúng quy cách đạt 45 %.

IV- KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

Thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia Nhà trường tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông; nhà trường hàng năm có xây dựng kế hoạch, tập hợp minh chứng, tiến hành tự đánh giá, xây dựng kế hoạch cải tiến, Năm học 2019- 2020 đánh giá ngoài công nhận trường TH Trần Phú đạt KĐCL cấp độ 2; nhà trường duy trì và giữ vững trường đạt CQG mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

Môn: Tiếng Việt

ST T	Lớp	Tổng số Học sinh	Mức đạt được					
			TỐT		HOÀN THÀNH		CHƯA HOÀN THÀNH	
			SL	%	SL	%	SL	%
	Toàn trường	708	443	62.6	252	35.6	13	1.8
1	Khôi 1	144	69		65		10	
2	Khôi 2	145	101		43		1	
3	Khôi 3	139	94		43		2	
4	Khôi 4	138	95		43		-	
5	Khôi 5	142	84		58		-	

Môn Toán

STT	Lớp	Tổng số	Mức đạt được		
			TỐT	HOÀN THÀNH	CHƯA HOÀN THÀNH

		Học sinh	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường		708	471	66.6	224	31.6	13	1.8
1	Khối 1	144	89		45		10	
2	Khối 2	145	114		30		1	
3	Khối 3	139	95		42		2	-
4	Khối 4	138	96		42		-	-
5	Khối 5	142	77		65		-	-

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1- Tiền ngân sách 2025

Tồn năm 2024 sang: 0

-Cấp dự toán trong năm: 10.631.000.000đ gồm TX, KTX, khen thưởng NĐ73, các chế độ học sinh)

-Chi đến 30/7: 6.236.015.267đ

-Tồn đến 30/7: 4.935.284.733đ

Chi tiết các khoản chi như sau:

- Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp BHXH,BHYT,KPCĐ : 5.699.268.810đ

Chi hoạt động: 464.000.000đ Trong đó:

+ Chi tiền kê giáo viên dạy thể dục Kỳ I NH 2024-2025: 16.848.000đ

+ Chi tiền kê giáo viên dạy thêm giờ: 0

+ Chi tiền bảo vệ: 40.736.976đ

+ Chi thường xuyên điện, nước, internet, phần mềm, VPP, công tác phí, sửa chữa.....: 215.541.481đ

2- Các khoản thu năm học 2024-2025

- BHYT: 290.085.300/311 hs

3- Các quỹ thu phục vụ trực tiếp cho học sinh năm học 2024-2025

a/ Quỹ Nước uống : - Thu:49.288.000đ, chi : 49.288.000đ, tồn : 0

b/ Quỹ quét dọn nhà vệ sinh học sinh : -Thu : 61.828.000đ, chi : 61.828.000đ, tồn :0

c/ Bán trú : Thu : 423.065.000đ, chi ăn bán trú : 312.335.854đ, chi thuê cấp dưỡng và quản lý phí : 110.729.146đ, tồn : 0

d/ Quỹ đội : Thu : 30.913.000đ, chi : 30.913.000đ, tồn : 0

e/ Quỹ HPHHS (TT55) : Thu : 20.726.000đ, chi : 20.726.000đ, tồn : 0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1- Kết quả các chỉ tiêu chủ yếu

TT	Nội dung thực hiện và chỉ tiêu đề ra	Kết quả đạt được
1	Nhà trường đảm bảo tốt các điều kiện an toàn trường học, phòng chống thiên tai, dịch bệnh.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
2	Tỷ lệ học sinh học đúng độ tuổi đạt từ 92% trở lên (trong đó tỷ lệ trẻ lớp 1 học đúng độ tuổi đạt từ 100%).	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
3	Duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
4	Xây dựng TĐG trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2; chuẩn quốc gia mức độ 1.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
5	100% CBQL, GV; thiết lập học bạ điện tử lớp 1; quản lý hồ sơ chuyên môn; soạn và duyệt kế hoạch bài dạy, lập sổ chủ nhiệm, sổ đăng bộ,... và trình	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.

	duyet trên các hệ thống quản lí trên CSDL ngành.	
6	Các lớp, các phòng thực hiện trang trí đầy đủ các hệ thống biểu bảng (bao gồm cờ nước, ảnh Bác, khẩu hiệu, gốc sản phẩm STEM, chương trình GDPT năm 2018.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
7	Viên chức đạt trình độ đại học trở lên đạt 89%; Viên chức tham gia bồi dưỡng Chương trình GDPT 2018 và bồi dưỡng thường xuyên đạt kết quả 100%.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
8	Xây dựng CLB năng khiếu (CLB Hùng biện Tiếng Anh, CLB năng khiếu các môn học, CLB chữ đẹp).	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.

9	Thực hiện tốt công tác khai thác, đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đánh giá tốt.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
10	Học sinh lớp 1, 2 được làm quen học tiếng Anh 100%; Tổ chức dạy học tiếng Anh và Tin học lớp 3 hiệu quả theo Chương trình GDPT 2018 đạt 100%.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
11	Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch kênh truyền thông của đơn vị đến cộng đồng; 100% các lớp có thành lập nhóm Zalo với PHHS đảm bảo thông tin liên lạc.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
12	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp 1 (từ lớp 1 đến lớp 4) đạt từ 98,2% trở lên; Tỷ lệ học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
13	Thực hiện duy trì sĩ số đạt 100% đến cuối năm, có 20 lớp xây dựng tốt nền nếp lớp.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
14	100% Giáo viên không vi phạm về quy định của ngành và đạo đức nhà giáo	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.
15	Danh hiệu Thi đua Tập thể: Đạt Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc. Bằng khen cấp tỉnh.	Đạt theo chỉ tiêu đề ra.

VIII. Kết quả thực hiện các phong trào hội thi

Phong trào hội thi của giáo viên: Giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện đạt 3/3 giáo viên. Thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện đạt 3/3 giáo viên, thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh đạt 2/2 giáo viên, trong đó 1 giáo viên được Sở giáo dục đào tạo tặng giấy khen.

Phong trào hội thi của học sinh: Nhà trường tham gia đầy đủ các phong trào hội thi do các cấp tổ chức; kết quả như sau:

Học sinh tham gia thi Đại sứ văn hóa đọc. Kết quả học lớp 5D đạt giải nhì cấp tỉnh.

Học sinh tham gia thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng đạt 2 giải khuyến khích cấp huyện, trong đó có 1 sản phẩm của học sinh lớp 5A được gửi đi dự thi cấp tỉnh.

Học sinh thi Hùng biện tiếng Anh cấp huyện đạt 2 giải nhì, 1 giải khuyến khích.

Học sinh tham gia thi Olympic tiếng Việt – Toán tuổi thơ cấp huyện đạt giải khuyến khích đồng đội, 1 giải nhất, 1 giải ba, 6 giải khuyến khích, cấp tỉnh 1 giải

vàng

1 học sinh tham gia giải tin học trẻ cấp tỉnh

Học sinh tham gia các cuộc thi trên mạng internet đạt giải như sau:

- IOE cấp tỉnh: khối 3 đạt 1 giải nhất, 1 giải ba và 1 giải khuyến khích, khối 4 đạt 1 giải nhì, khối 5 đạt 1 giải ba và 1 giải khuyến khích.

- Violimpic Toán Tiếng Việt cấp tỉnh: khối 3 đạt 3 giải khuyến khích, khối 4 đạt 1 giải khuyến khích, khối 5 đạt 1 giải đồng và 5 giải khuyến khích

- Violimpic Tiếng Việt cấp tỉnh: khối 3 đạt 1 giải bạc và 2 giải khuyến khích, khối 4 đạt 2 giải khuyến khích, khối 5 đạt 5 giải khuyến khích

- Lịch sử-địa lí cấp tỉnh: khối 5 đạt 1 khuyến khích

3. Công tác huy động nguồn lực cộng đồng để nâng cao chất lượng giáo dục

Tổng kinh phí vận động các nguồn lực xã hội: 96.036.000 Đồng; Trong đó sự hỗ trợ của ban đại diện cha mẹ học sinh là 20.726.000 triệu đồng; Sự ủng hộ của các nhà mạnh thường quân 5.000.000 dùng để hỗ trợ học sinh gia đình có hoàn cảnh khó khăn mua bảo hiểm y tế; Sự ủng hộ của các nhà hảo tâm tặng 367 xuất quà áo khoác, dụng cụ học tập, gạo, mì, xe đạp... trị giá 50.160.000 đồng.

4. Công tác bảo hiểm học sinh năm qua

Kết quả: - Bảo hiểm Y tế: học sinh đạt 100% (trong đó 311 hs tự đóng, còn lại là học sinh Bon U1, con Công an, Bộ đội- hộ nghèo được cấp).

- Bảo hiểm thân thể: học sinh tham gia 371/709 đạt tỉ lệ 52,3%

5. Hiệu quả đào tạo.

Tổng số học sinh vào lớp 1 niên khoá 2020-2025: có 144 em; (Trong niên khóa 5 năm số học sinh chuyển trường đi 02 em, số học sinh bỏ học: 00 em);

Học sinh HTCTTH 142/142 đạt tỉ lệ 100%.

GHI CHÚ: kèm theo phụ lục I,II,III,IV

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)



Trần Thị Như Quỳnh

¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁷ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁸ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục

